



中心簡介

GIỚI THIỆU TRUNG TÂM HOA NGỮ

本校華語文中心(以下簡稱本中心)成立於民國 99 年 10 月。華語文中心辦理本校國際生、交換生和華語生之華語文教學、華語補救教學、海外華語學生之華語文教學、華語文師資培訓、舉辦華語文學術交流活動、華語教師成長社群等，協助並輔導對於華語文能力測驗(TOCFL)有興趣的外籍學生實力培養及準備考試。

華語文中心目前有主任一名，並由輔導本校國際生、交換生之國教交流中心協助一同執行相關業務。本中心目前有通過教育部對外華語教學能力認證之兼任教師。配合本校教學卓越計畫自 103 年起，辦理華語文師資培訓、建置對外華語教學能力認證考試模擬考系統、辦理對外華語教學能力認證考試研習、試教與觀摩會、華語教師面試技巧講座、華語文補救教學課程。也曾於 104 年辦理僑委會海外華裔青年語文研習班(OCAC)第四期，學員 112 位來自美、加、英…等 18 國。

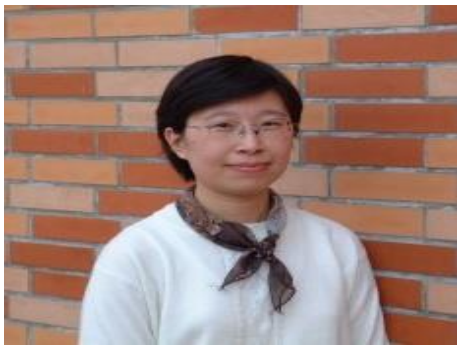
本校華語文中心多年來努力營造優質華語文教學環境，並積極幫助外籍學生華語文的學習與成長。本校配合政府新南向政策，已有許多東南亞的國際產學專班學生就讀，華語文中心全力支援這些學生所需的基礎華語、進階華語課程、華語補救教學、華語文能力的前後測…等工作。

Trung tâm Hoa ngữ của trường (gọi tắt là Trung tâm) thành lập vào tháng 10 năm 2010. Trung tâm Hoa ngữ phụ trách việc giảng dạy tiếng Trung cho sinh viên Quốc tế, sinh viên trao đổi của trường, phụ đạo tiếng Trung, giảng dạy tiếng Trung cho sinh viên Hải Ngoại, đào tạo giáo viên tiếng Trung, tổ chức hoạt động trao đổi học thuật tiếng Trung, cộng đồng phát triển giáo viên tiếng Trung…hỗ trợ và phụ đạo các sinh viên Quốc tế phát triển thực lực và chuẩn bị thi khi có hứng thú tham gia kỳ thi năng lực tiếng Trung (TOCFL).

Trung tâm Hoa ngữ hiện tại có 1 vị chủ nhiệm đảm nhiệm, và cùng trung tâm giao lưu Quốc tế phụ đạo sinh viên Quốc tế, sinh viên trao đổi của trường hỗ trợ thực hiện các công việc liên quan. Hiện tại các giáo viên giảng dạy của Trung tâm đều thông qua chứng chỉ về năng lực giảng dạy tiếng Trung cho người nước ngoài của Bộ Giáo dục. Phối hợp thực hiện kế hoạch giảng dạy xuất sắc của trường từ năm 2014 trở đi, tổ chức đào tạo giáo viên tiếng Trung, thi để lập hệ thống kiểm tra mô phỏng cho kỳ thi chứng chỉ năng lực giảng dạy tiếng Trung cho người nước ngoài, tổ chức nghiên cứu thi chứng chỉ năng lực giảng dạy tiếng Trung cho người nước ngoài, dạy thử và cuộc họp quan sát, hội thảo kỹ năng phỏng vấn giáo viên tiếng Trung, khóa học phụ đạo giảng dạy tiếng Trung. Cũng từng tổ chức kỳ thứ IV (OCAC) hội thảo nghiên cứu ngôn ngữ thanh niên Hoa Kỳ ở Hải Ngoại của hội đồng Hoa Kỳ ở năm 2015, có 112 học viên đến từ Mỹ, Canada, Anh… gồm 18 nước.

Trung tâm Hoa ngữ của trường qua nhiều năm cố gắng xây dựng môi trường giảng dạy tiếng Trung chất lượng, và tích cực giúp đỡ các sinh viên Quốc tế học tập và phát triển tiếng Trung. Trường phối hợp chính sách Tân Hướng Nam của chính phủ, đã có nhiều sinh viên của Đông Nam Á đến học lớp chuyên ban hệ vừa học vừa làm, trung tâm Hoa ngữ toàn lực hỗ trợ các sinh viên này về khóa học tiếng Trung cơ bản, tiếng Trung nâng cao, giảng dạy phụ đạo tiếng Trung, và các bài kiểm tra trước và sau khi thi chứng chỉ năng lực…

組織結構 K ế t cấu tổ chức

職稱 Chức vụ:	華語文中心主任 Chủ nhiệm trung tâm Hoa ngữ	
姓名 Tên:	鍾美玲	
連絡電話	校外直撥 gọi trực ti ếp (07)607-7130	
Điện thoại liên lạc:	校內分機 số nội bộ 1812	
電子郵件 Email:	f1005@cc.kyu.edu.tw	
辦公室位置 Vị trí văn phòng	教學大樓 501	
業務職掌 Nghịệp vụ	- 協助研發長處理研發處各項業務 Hỗ trợ các công việc liên quan đ ể n trung tâm Nghiên cứu và Phát triển - 綜理華語文中心各項業務 Quản lý toàn diện các các công việc trung tâm Hoa Ngữ	
職務代理人 Người thay th ế	潘怡靜	

職稱 Chức vụ	計畫助理 Trợ lý k ế hoạch	
姓名 Tên	潘怡靜	
連絡電話	校外直撥 gọi trực ti ếp (07)607-7130	
Điện thoại liên lạc	校內分機 số nội bộ 1812	
辦公室位置 Vị trí văn phòng	教學大樓 501	
電子郵件 Email:	pss0073@cc.kyu.edu.tw	
業務職掌 Nghịệp vụ	- 負責本中心完成公文流程之公文處理與存檔 Phụ trách hoàn thành xử lý và lưu trữ lưu trình công văn của Trung tâm - 華語文中心事務協助 Hỗ trợ các công việc của Trung tâm Hoa ngữ - 其他交辦事項。Các công việc được giao khác	
職務代理人 Người thay th ế	高瑄潞	

課程 Khóahọc

高苑科技大學華語文中心提供優質華語教學環境，想學習華語和中華文化的人，歡迎到本校華語文中心！入學的方式需先備齊入學申請文件，並於開課日前六個星期寄達。若曾經學過華語，入學前須參加華語分級能力測驗，然後依華語程度分班上課。

本中心除了華語課程，還開設閩南語及客語、簡體字、中國文學、文化等選修課程。教學與教材同時採取國語注音符號及漢語拼音，每週上課最少 15 小時（含必修及選修）。

Trung tâm Hoa ngữ của trường đại học KHCN Cao Uyển cung cấp môi trường giảng dạy chất lượng, người muốn học tiếng Trung và văn hóa Trung Hoa hoan nghênh đến Trung tâm Hoa ngữ của trường! Cách thức nhập học cần chuẩn bị đầy đủ các hồ sơ đăng ký nhập học, và hồ sơ được gửi đến trước ngày mở lớp 6 tuần. Nếu đã từng học qua tiếng Trung, trước khi nhập học cần tham gia kiểm tra năng lực và phân cấp học, sau đó sẽ dựa theo trình độ học.

Trung tâm ngoài khóa học tiếng Trung, còn mở thêm các khóa học tự chọn như tiếng Phúc Kiến, tiếng Khách Gia, chữ giản thể, văn học Trung Quốc, văn hóa... Giảng dạy và tài liệu cùng sử dụng ký hiệu Quốc ngữ zhuyin và Hán ngữ pinyin, mỗi tuần học ít nhất 15 tiếng (gồm môn bắt buộc và môn tự chọn)

活動 Hoạt động

本中心除了提供華語及文化課程外，還舉辦下列的活動 Trung tâm ngoài cung cấp các khóa học tiếng Trung và Văn hóa, còn tổ chức các hoạt động sau :

- * 中華文化參觀旅遊 Tham quan du lịch văn hóa Trung Quốc
- * 才藝表演、華語文競賽(朗讀、演說、閱讀和寫作) Biểu diễn văn nghệ, cuộc thi tiếng Trung (đọc diễn cảm, diễn thuyết, tập đọc và viết văn)
- * 國際美食節 Lễ ẩm thực quốc tế

開課資訊 Thời gian mở lớp

本中心學制以一季三個月為一期，開課日分別為 Hệ học của Trung tâm một kỳ là 1 mùa 3 tháng, ngày mở lớp phân như sau :

*秋季班: 9 月 1 日~11 月 30 日 Lớp mùa Thu: ngày 1 tháng 9~ ngày 30 tháng 11

*冬季班: 12 月 1 日~2 月 28 日 Lớp mùa Đông: ngày 1 tháng 12~ ngày 28 tháng 2

*春季班: 3 月 1 日~5 月 31 日 Lớp mùa Xuân: ngày 1 tháng 3~ ngày 31 tháng 5

*夏季班: 6 月 1 日~8 月 31 日 Lớp mùa Hạ: ngày 1 tháng 6~ ngày 31 tháng 8

*若開課日正逢週末，則順延至下個星期一。每期開課日前 7 天開始註冊，開課日後 6 天內可加退選。加退選截止之前，皆可辦理註冊。

Nếu ngày mở lớp rơi vào cuối tuần, sẽ hoãn đến thứ 2 tuần sau. Mỗi kỳ mở lớp trước 7 ngày sẽ bắt đầu đăng ký, sau khi mở lớp trong vòng 6 ngày có thể thêm hoặc bỏ môn. Trước khi kết thúc thêm hoặc bỏ môn nếu có thể đăng ký.



發展方向

PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN

本中心發展朝著以下三方向進行：Trung tâm phát triển ti ể n hành theo 3 hướng sau:

一、教學、研究精緻化 Cải ti ể n phương pháp giảng dạy và nghiên cứu

華語是世界上歷史最悠久，內容最豐富的語言之一，而且，未來「華語是全人類四分之一人口共同語文」，全球興起一股華文熱。世界各地人士學習華語文的需求與日俱增，學習華語也可說已蔚為世界性的風尚。近年來，對外華語文教學(Teaching Chinese as a Second Language，簡稱 TCSL)，在世界各地迅速推展。本中心強調教學、研究與師資培育並重，為了讓對外華語文學習與教學能更上一層樓，以精緻教學內容來建立學生學習內涵，6-8 人的小班教學讓學生透過按部就班的華語學習及培訓優秀華語文專業師資，可為我國學術研究、文化交流，開展一個更寬廣的新局面。

Ti ể ng Trung có lịch sử lâu đời nhất trên th ế giới và là một trong những ngôn ngữ có nội dung phong phú nhất, hơn nữa trong tương lai “Ti ể ng Trung sẽ là ngôn ngữ chung của 1/4 dân số toàn nhân loại” , cơn sốt toàn cầu ti ể ng Trung ngày càng cao. nhu cầu học ti ể ng Trung của người dân trên toàn th ế giới ngày càng tăng cao, và cũng có thể nói việc học ti ể ng Trung đã trở thành xu hướng trên toàn th ế giới. Những năm gần đây, đối với việc giảng dạy ti ể ng Trung cho người nước ngoài (Teaching Chinese as a Second Language, gọi tắt TCSL) nhanh chóng lan rộng khắp toàn cầu. Trung tâm nhấn mạnh việc giảng dạy, nghiên cứu và đào tạo giáo viên, để đưa việc học và giảng dạy ti ể ng Trung cho người nước ngoài lên một tầm cao hơn, sử dụng nội dung giảng dạy tinh t ể để xây dựng hàm ý học tập của sinh viên, giảng dạy 1 lớp nhỏ 6-8 người để cho học sinh học ti ể ng Trung thông qua từng bước và đào tạo giáo viên ti ể ng Trung chuyên nghiệp ưu tú, có thể phát triển một tình th ế mới rộng lớn hơn cho nghiên cứu học thuật, giao lưu văn hóa của nước ta.

二、教材、課程多元化 Giáo trình, khóa học đa dạng hóa

教材是教學的主要依據，影響課程與教學方式。目前華語文學習教材仍有待開發，本校一方面進行華語文教學、規劃完善華語文課程，一方面致力於華語文學習教材的研發，並用國語注音和漢語拼音，同時教授正體與簡體字，使得課程內容呈現多元化，更有力於世界各地拓展華語市場。

Giáo trình là cơ sở chính của việc giảng dạy, ảnh hưởng khóa học và phương pháp giảng dạy. Hiện tại giáo trình học ti ể ng Trung vẫn đang nghiên cứu, một mặt trường chúng tôi ti ể n hành giảng dạy ti ể ng Trung, lập k ế hoạch cải ti ể n khóa học ti ể ng Trung, mặt khác nghiên cứu và phát triển giáo trình ti ể ng Trung, đồng thời sử dụng ký tự Quốc ngữ zhuyin và Hán ngữ pinyin dạy chữ phồn thể và giản thể để nội dung khóa học trở nên đa dạng, càng mạnh mẽ mở rộng thị trường ti ể ng Trung trên toàn th ế giới.

三、活動、交流全球化 Hoạt động, giao lưu toàn cầu hóa

華語乃是世界上使用人口最多的語言，亦是聯合國六種工作語言之一。世界一家的情況在全球化發展迅速的今日，人與人、國與國之間的距離縮短，促使人類族群之間溝通日趨頻繁。隨著中國商業的掘起，鼓動了華語學習熱潮。對外華語教育的重要性也因此大幅提升，同時，對外華語教學的成效高低，又是對外華語教育市場唯一競爭的重點標竿。本中心未來除了研發精緻化、多元化之課程教學外，亦希望成為南台灣華語學習重鎮，因此，本中心將舉行多樣化國際交流活動，與各國做跨文化研究，以拓展華語文教學的版圖。

Ti ể ng trung là ngôn ngữ được sử dụng nhi ề u nhất trên th ế giới và là một trong 6 ngôn ngữ làm việc của Liên Hợp Quốc. Ngày nay với sự phát triển nhanh chóng của toàn cầu hóa, khoảng cách giữa người và quốc gia đã được rút ngắn, thúc đẩy sự giao ti ể p hằng ngày của nhân loại. Với sự phát triển của doanh nghiệp Trung Quốc, việc học ti ể ng Trung cũng tăng vọt, tầm quan trọng đối với việc giáo dục ti ể ng Trung cho người nước ngoài cũng vì vậy mà tăng lên, đồng thời hiệu quả cao thấp của việc giảng dạy ti ể ng Trung cho người nước ngoài cũng là tiêu chuẩn quan trọng duy nhất cho sự cạnh tranh trên thị trường giáo dục ngoại ngữ ti ể ng Trung cho người nước ngoài. Trong tương lai, ngoài nghiên cứu và phát triển khóa học giảng dạy tinh t ể và đa dạng hóa ra, trung tâm chúng tôi còn mong muốn trở thành trung tâm học ti ể ng Trung của phía nam Đài Loan, vì vậy, trung tâm sẽ tổ chức nhi ề u hoạt động giao lưu quốc t ể và nghiên cứu đa văn hóa với nhi ề u nước khác nhau để mở rộng lãnh thổ giảng dạy ti ể ng Trung



中心任務

NHIỆM VỤ TRUNG TÂM

- 一、提昇外籍人士華語文能力。Nâng cao năng lực tiếng Trung cho người nước ngoài
- 二、推廣華語文教學。Đẩy mạnh giảng dạy tiếng Trung.
- 三、研發華語文課程。Nghiên cứu và phát triển khóa học tiếng Trung.
- 四、培訓華語文師資。Đào tạo giáo viên tiếng Trung.
- 五、舉辦華語文能力檢定。Tổ chức kỳ kiểm định năng lực tiếng Trung.
- 六、接受委託舉辦華語文訓練與進修班。Tiếp nhận ủy quyề n tổ chức huấn luyện và lớp tại chức tiếng Trung.
- 七、其他有關華語文教育、學習及推廣之事宜。Các vấn đề khác liên quan đế n giáo dục, học tập và xúc tiế n tiếng Trung.

法規辦法 QUY ĐỊNH VÀ BIỆN PHÁP

[華語文教育委員會設置辦法](#) [Biện pháp do Hội ủy ban Giáo dục tiếng Trung thiế t lập](#)

[華語文中心課程委員會設置要點](#) [Điể m chính do Hội ủy ban trung tâm khóa học tiếng trung thiế t lập](#)



課程資訊

THÔNG TIN KHÓA HỌC

課程規劃 Kế hoạch khóa học

本中心將華語文課程分為二大方向 Trung tâm phân khóa học ti ếng Trung thành 2 phương hướng :

一、華語語言課程：著重華語聽說讀寫四種技能的教學，務使學生精熟華語言，達到以華語口語和書面溝通的目的。Khóa học ngôn ngữ ti ếng Trung:

Chú trọng vào chất lượng giảng dạy với 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, vi ết, giúp học sinh thành thạo ti ếng Trung, đạt được mục đích dùng ti ếng Trung giao ti ếp bằng lời nói và bằng văn bản.

二、中華文化課程：文化與語言是一體之兩面，要了解華語的精髓，不能只學語言而不了解其文化。中華文化博大精深，是五千年來，歷經各族文化融合的完美結晶，其兼容並蓄的文化精神，值得深思與學習。本中心安排一系列中華文化課程，例如：中國歷史、中國童話、書法、國畫、中國各地方戲曲等，即可讓來自不同文化背景的學生，有機會了解中華文化的深與美。Khóa học văn hóa Trung Hoa: Văn hóa và ngôn ngữ là hai mặt của một thể, muốn hiểu rõ được tinh hoa của ngôn ngữ, không thể chỉ có học ngôn ngữ mà không tìm hiểu các văn hóa khác. Văn hóa Trung Hoa bác đại tinh thâm, từ 5000 năm nay, trải qua sự k ết tinh hoàn hảo giữa sự dung hợp văn hóa giữa các dân tộc, thấu tóm h ết tinh thần văn hóa, đáng để suy ngẫm và học hỏi. Trung tâm đã sắp x ếp một chuỗi khóa học văn hóa Trung Hoa, ví dụ : lịch sử Trung Quốc, truyền cổ tích Trung Quốc, thư pháp, quốc họa, nhạc kịch các nơi của Trung Quốc, vv.... Đi ều này làm cho sinh viên đ ể n từ các bối cảnh văn hóa khác nhau có cơ hội hiểu sâu và v ề đẹp của n ền văn hóa Trung Hoa.

課程安排 Sắp x ếp khóa học

學生入學後即參加華語能力分級測驗，依據成績分班上課。若於六個月內曾參加台灣教育部指定的華語能力分級測驗，請於申請時附上，以利分班作業。Sinh viên sau khi nhập học thì sẽ tham gia kỳ thi năng lực ti ếng Trung, dựa trên số điểm để sắp x ếp lớp học. N ếu u trong vòng 6 tháng từng tham gia kỳ thi năng lực ti ếng Trung do Bộ Giáo dục Đài Loan chỉ định, vui lòng đính kèm giấy chứng nhận khi báo danh để tiện cho việc sắp x ếp lớp.

課程依時數分為長期課程與短期課程 Khóa học sẽ dựa theo số giờ để phân thành khóa học dài hạn hay khóa học ngắn hạn :

長期課程：以一季為學制，一季上課三個月。Khóa học dài hạn: Dựa theo một mùa để làm ch ế độ học tập, một mùa học 3 tháng

短期課程：以 6-8 週為單位，華語文學習營的型態招生，讓學生能同時學習華語，及台灣中華文化參訪。Khóa học ngắn hạn: Dựa theo đơn vị 6-8 tuần, học tập Ti ếng Trung tuyển sinh dựa theo hình thức trải nghiệm để cho sinh viên vừa học ti ếng Trung đồng thời tham quan văn hóa Trung Hoa ở Đài Loan.

本中心採小班教學，上課人數以 6-12 人為主，師生比約 1:6。每位學生每週上課 15 小時，得選修 2 小時文化課程，一季課程約 165 小時。Trung tâm áp dụng phương pháp dạy học lớp nhỏ, số lượng một lớp học chủ y ếu u từ 6-12 người, tỷ lệ giữa giáo viên và học sinh là 1:6. Mỗi sinh viên mỗi tuần đi học 15 ti ếng, phải chọn thêm học 2 ti ếng môn văn hóa, khóa học một mùa khoảng 165 ti ếng

教材規劃 Giáo trình dạy học

本中心之授課教材，主要選用正中書局出版之《時代華語》，該書之編撰係因應 TOCFL 華語測驗之需求，詞彙選擇對應台灣國教院所制訂之「三等七級詞表」。各冊在完成教學後，均可連結對應的 TOCFL 測驗級別，實施總結性測驗。並有助於學生取得 TOCFL 華語文能力測驗。

Giáo trình dạy học của trung tâm, chủ y ếu u sử dụng “Ti ếng Trung Thời Đại” được xuất bản bởi nhà sách Chính Trung, quyển sách này được biên soạn nhằm đáp ứng nhu cầu ôn thi ti ếng Trung TOCFL, từ vựng lựa chọn tương ứng với “từ vựng tam đẳng thất cấp” do Học viện Quốc học Đài Loan lập ra. Sau khi hoàn thành việc giảng dạy ở mỗi quyển, đ ều u sẽ liên k ết với cấp độ kiểm tra TOCFL tương ứng và thực hiện bài kiểm tra tổng k ết. Đồng thời giúp học viên đạt được bài kiểm tra trình độ ti ếng Trung TOCFL.





入學資訊

THÔNG TIN NHẬP HỌC

招生對象 **Đối tượng tuyển sinh**

年滿 18 歲並獲得入學許可的高中畢業學生，無華語程度限制，並準備下列文件，通過審核後，本中心將核發以茲證明。

Học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông đủ 18 tuổi đồng thời nhận được giấy nhập học, không giới hạn trình độ tiếng Trung, đồng thời cần chuẩn bị những dữ liệu văn kiện dưới đây, sau khi thông qua xét duyệt, trung tâm sẽ cấp phát giấy chứng nhận.

[報名表下載](#) **Tải biểu báo danh**

入學申請 **Đăng ký nhập học**

申請方法 **Phương pháp đăng ký :**

- 1.入學申請表：入學申請表 1 份 + 2 吋照片 3 張(六個月內彩色半身照)。請於"表單下載"中下載「入學申請表」。Biểu đăng ký nhập học: Biểu đăng ký nhập học 1 phần + 3 tấm ảnh thẻ 2 inch (ảnh thẻ chụp trong vòng 6 tháng). Vui lòng tải "biểu đăng ký nhập" học trong phần tải đơn.
- 2.畢業證書影本：高中學歷之畢業證書影本，或是應屆高中畢業生所申請大學的入學許可證件（已在大學或研究所就讀者，可提供近期之成績單）或已在台其他華語中心修讀華語者，可提供近期之在學就讀文件影本。Bản sao bằng tốt nghiệp: Bản sao bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc giấy xác nhận đăng ký nhập học của các trường đại học mà học sinh chuẩn bị tốt nghiệp trung học phổ thông đang ứng tuyển (người đã học đại học hoặc thạc sỹ, có thể cung cấp bằng điểm gần nhất) hoặc những người đã học ở các trung tâm khác ở Đài Loan, có thể cung cấp bản sao giấy xác nhận gần nhất đang học ở trường .
- 3.財力證明正本：請提供近六個月內之財力證明正本文件，本人、保證人或扶養人之存款證明，證明須至少有美金二千五百元之等值貨幣於銀行帳戶中。Bản gốc chứng minh tài chính: Vui lòng cung cấp văn kiện chứng minh tài chính bản gốc trong vòng 6 tháng, giấy chứng minh tài chính của bản thân, người bảo lãnh hoặc người nuôi dưỡng, chứng minh tài chính tài khoản ngân hàng cần có tỷ giá tương đương ít nhất 2500 USD.
- 4.讀書計劃正本：簡單之自傳並將來臺學習華語之目的簡單陳述，表格請見「入學申請表第 5 頁」。Bản gốc kế hoạch học tập: Giới thiệu bản thân đơn giản đồng thời nêu rõ mục đích đến Đài Loan học tập tiếng Trung, vui lòng xem ở "trang 5 của biểu đăng ký nhập học" .
- 5.健康證明：請提供六個月內之健康證明文件正本一份，檢查項目須包含 AIDS 血清檢查結果。Phiếu khám sức khỏe: Vui lòng cung cấp phiếu kiểm tra sức khỏe bản gốc 1 phần trong vòng 6 tháng, hạng mục kiểm tra phải bao gồm mục kết quả xét nghiệm AIDS bằng phương pháp huyết thanh học.
- 6.護照影本：護照須至少六個月內有效之第一頁影本一份。Bản sao hộ chiếu: Bản sao trang đầu tiên của hộ chiếu phải có thời hạn ít nhất 6 tháng.
- 7.推薦信兩封。Hai bức thư giới thiệu

資料審核合格後，將寄發繳費資訊及相關文件。

開學前兩星期寄回或傳真回覆報到日期確認書，憑入學通知書至駐外單位辦理簽證，即完成入學申請。Sau khi xét duyệt dữ liệu thông qua xong, Trung tâm sẽ gửi thông tin nộp phí và các văn kiện liên quan.

Vui lòng gửi lại trước hai tuần khai giảng lớp hoặc gửi hồi đáp xác định ngày báo danh qua Fax, đưa vào giấy thông báo nhập học đến Văn phòng Đại sứ quán để xin visa, hoàn thành đăng ký nhập học.

學費 **Học phí :**

[本校學費優惠方案](#) **Phương án ưu đãi học phí của trường**

- 1.本中心舊生可享受 9 折優待。Học sinh cũ của Trung tâm có thể nhận được ưu đãi học phí 10%
- 2.新生一次繳交兩期學費享學費 9 折優惠。Học sinh mới một lần nộp học phí hai kỳ có thể nhận ưu đãi học phí 10%
- 3.本校交換學生或學籍生可享學費 85 折優待。Sinh viên trao đổi của trường hoặc sinh viên có học vị có thể nhận ưu đãi học phí 15%
- 4.舊生介紹朋友到本中心成為正式生者可獲得 NT \$ 500 車馬費補助。Học sinh cũ giới thiệu bạn bè tới trung tâm trở thành học sinh chính thức có thể nhận được 500 NTD từ ền hỗ trợ đi lại.
- 5.早鳥方案-提早註冊或兩人同行報名可享學費 95 折優惠; 三人同行報名可享學費 9 折優惠。Phương án sớm nhất- đăng ký sớm hoặc hai người báo danh cùng 1 lúc có thể nhận được ưu đãi học phí 5 %, 3 người báo danh cùng một lúc có thể nhận được ưu đãi học phí 10%.

華語文課程 Khóa học tiếng Trung	華語文課程 Khóa học tiếng Trung	學員人數 Số lượng học viên	學費 Học phí
一對一課程(30 hours) Khóa học 1 kèm 1 (30 tiếng) *適合個人旅行者或需要特殊訓練者。 Thích hợp với người đi du lịch hoặc người cần rèn luyện đặc biệt.	Flexible Linh hoạt	1	Registration Fee: NTD 500, Phí đăng ký: 500 NTD Tuition Fee: NTD 24,000 Học phí :24,000NTD/khóa
華語文短期課程(30 hours) Khóa học tiếng Trung ngắn hạn (30 tiếng) *適合朋友、同事一起學習。 Thích hợp bạn bè, đồng nghiệp cùng nhau học tập.	Flexible Linh hoạt (兩人以上團報才開班) Trên hai người mới mở lớp	2-5	Registration Fee: NTD 500 Phí đăng ký: 500 NTD Tuition Fee: NTD 13,500 Học phí :13,500 NTD/khóa
學季課程(180 hours/3months) Khóa học theo mùa (180 tiếng/3 tháng) *適合每天上課、需要申請簽證者。 Thích hợp với người mỗi ngày lên lớp, cần phải xin visa.	Monday to Friday 3 hours per day Thứ hai đến thứ 6 Mỗi ngày 3 tiếng	6-12	Registration Fee: NTD 500, Phí đăng ký: 500 NTD Tuition Fee: NTD 29,700 Học phí :29,700 NTD/khóa

課程級別 Phân cấp khóa học

級別 CẤP ĐỘ	課程內容 NỘI DUNG KHÓA HỌC
入門班 A1	學習華語文的基本發音、語法及常用字彙，能使用基本句型與人溝通。 Học tập cách phát âm, ngữ pháp và các từ vựng thường dùng cơ bản, có thể sử dụng câu cơ bản để giao tiếp.
基礎班 A2	藉由已建立之中文基礎，學習新的語法、掌握漢字的書寫規則，加強日常對話之訓練及字彙能力。Từ nền tảng tiếng trung đã có, học tập ngữ pháp mới, nắm bắt quy tắc cách viết Hán tự, tăng cường rèn luyện đối thoại hằng ngày và khả năng từ vựng.
中級班 B1	學習更複雜的句型與文章，搭配會話課程以加強對字句、字義的瞭解與應用。 Học tập các mẫu câu và văn bản phức tạp hơn, phối hợp các bài học hội thoại nhằm tăng khả năng hiểu rõ và ứng dụng đối với các câu từ và nghĩa từ.
進階班 B2	加深學習內容之深度與廣度，進行文法、句法、詞句架構之整合，搭配寫作課程，進一步提升中文能力。Đi sâu vào tìm hiểu chuyên sâu và phổ biến của nội dung bài học, tiến hành tổng hợp ngữ pháp, cú pháp, cấu trúc câu, phối hợp với viết văn, nâng cao hơn trình độ tiếng trung
高級班 C1	以不同體裁的文章，配合專題討論課程，全方面提升聽、說、讀、寫能力。 Dựa vào các bài viết thuộc thể loại khác nhau, phối hợp với thảo luận chuyên đề, toàn phương diện nâng cao

	khả năng nghe, nói , đọc, viết.
--	---------------------------------

中心學制及申請截止日期 Ch ế độ học tập và thời gian đăng ký của Trung tâm

課程 Khóa học	課程期間 Thời gian khóa học
一對一華語短期課程 Khóa học tiếng trung ngắn hạn 1 kèm 1 華語文短期課程 Khóa học tiếng trung ngắn hạn	1-2 個月 1-2 tháng
春季班 Lớp mùa Xuân	2 月底-5 月 Cuối tháng 2 đến tháng 5
夏季班 Lớp mùa Hè	6 月-8 月 Tháng 6 đến tháng 8
秋季班 Lớp mùa Thu	9 月-11 月 Tháng 9 đến tháng 11
冬季班 Lớp mùa Đông	12 月-2 月 Tháng 12 đến tháng 2

退費標準：Tiêu chuẩn hoàn phí

1. 若六人無法開班，於學期開始一週內辦理退費。Nếu 6 người không thể mở lớp, vào khai giảng tuần thứ nhất sẽ tiến hành thủ tục hoàn phí.
- 2.開課後，恕不接受退費。Sau khi mở lớp, thì không chấp nhận hoàn phí.